

CHUYÊN ĐỀ 2

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ CÔNG TÁC CÁN BỘ HIỆN NAY

*(Tài liệu bồi dưỡng thi nâng ngạch chuyên viên chính
khối Đảng, MTTQ, Đoàn thể năm 2017)*

Phần thứ nhất

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ ĐẢNG CẦM QUYỀN VÀ NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG TRONG TÌNH HÌNH MỚI

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ ĐẢNG CẦM QUYỀN

1. Một số vấn đề về lý luận

- “Đảng cầm quyền” là khái niệm dùng trong khoa học chính trị, chỉ một đảng chính trị đại diện cho một giai cấp đang nắm giữ và lãnh đạo chính quyền để điều hành, quản lý đất nước nhằm trước hết phục vụ lợi ích của giai cấp mình.

- Khái niệm “Đảng cầm quyền” lần đầu tiên được V.I.Lênin nêu ra. Sau này Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sử dụng thuật ngữ này để nói về vai trò cầm quyền của Đảng như: Đảng giành được chính quyền, Đảng nắm chính quyền, Đảng lãnh đạo chính quyền, Đảng cầm quyền. Trong Di chúc, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “Đảng ta là một đảng cầm quyền”. Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam được Đại hội toàn quốc lần thứ X, XI thông qua cũng ghi: “Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng cầm quyền”.

- Nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng khi chưa giành được chính quyền và khi đã giành được chính quyền rất khác nhau:

+ Khi chưa có chính quyền, phương thức lãnh đạo của Đảng chủ yếu là các tổ chức đảng và đảng viên trực tiếp tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng đến các hội, đoàn thể, quần chúng “cốt cán”, thậm chí đến từng người dân; từ đó tổ chức nhân dân thực hiện. Lúc này, quan hệ của Đảng với Nhân dân là quan hệ máu thịt; mọi sự xa rời Nhân dân đều dẫn đến tổn thất cho cách mạng, cho sinh mệnh của tổ chức đảng và đảng viên. Trong điều kiện chưa có chính quyền, trong Đảng không có điều kiện để phát sinh tệ quan liêu, ức hiếp quần chúng.

+ Khi Đảng đã có chính quyền thì chính quyền là công cụ mạnh mẽ, sắc bén nhất để đưa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng vào cuộc sống, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với toàn xã hội. Lúc này, ngoài việc tuyên truyền,

giáo dục, thuyết phục nhân dân, Đảng lãnh đạo chính quyền (Nhà nước) thể chế hoá đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng thành Hiến pháp, pháp luật, kế hoạch và tổ chức thực hiện. Lúc này, Đảng cầm quyền là Đảng lãnh đạo chính quyền và thông qua chính quyền để nhân dân làm chủ đất nước, làm chủ xã hội.

2. Thuận lợi và nguy cơ đối với một Đảng duy nhất cầm quyền

Là Đảng duy nhất cầm quyền, Đảng có nhiều thuận lợi cơ bản, nhưng cũng tiềm ẩn những nguy cơ bên trong rất nguy hiểm. Cụ thể là:

a) Về thuận lợi:

- Đảng không có các đảng phái chính trị đối lập, do đó Đảng không có sự cạnh tranh về vai trò lãnh đạo đối với đất nước và xã hội;

- Đảng hoạt động một cách công khai, hợp pháp, hợp hiến; vai trò lãnh đạo của Đảng được quy định tại Điều 4, Hiến pháp Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Đảng có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Nhà nước của dân, do dân và vì dân; có Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội hoạt động dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng.

- Bằng hoạt động thực tiễn hơn 86 năm qua, Đảng Cộng sản Việt Nam được nhân dân thừa nhận là người tổ chức, lãnh đạo mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam; được nhân dân tin tưởng, bảo vệ Đảng.

- Đảng Cộng sản Việt Nam ngày càng mở rộng quan hệ với các đảng cầm quyền khác trên thế giới; có sự đồng tình, ủng hộ, giúp đỡ của nhân dân yêu chuộng hoà bình, tiến bộ trên thế giới.

b) Về nguy cơ:

Sau khi giành được chính quyền, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm cảnh báo hai nguy cơ đối với Đảng là: Nguy cơ sai lầm về đường lối và nguy cơ suy thoái, biến chất của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ Đại hội VII của Đảng (1/1994), Đảng đã bổ sung và xác định 4 nguy cơ là:

- Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới, do điểm xuất phát thấp;

- Nguy cơ sai lầm đường lối, đi chệch định hướng xã hội chủ nghĩa;

- Nguy cơ tham nhũng và tệ quan liêu, lãng phí;

- Nguy cơ “Diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch, phản động.

Trong 4 nguy cơ nêu trên thì có *hai nguy cơ bên trong* rất nguy hiểm, có thể làm mất vai trò lãnh đạo của Đảng bất cứ lúc nào, đó là:

(1). *Nguy cơ sai lầm về đường lối, đi chệch định hướng xã hội chủ nghĩa.* Đây là nguy cơ có thể xảy ra bất cứ lúc nào, nhất là khi có những biến động lớn ở trong nước hoặc trên thế giới và trước những bước ngoặt của cách mạng. Tuy nhiên, việc sai lầm về đường lối chỉ có thể *diễn ra ở cấp lãnh đạo cao nhất của Đảng*, bởi đây là cấp hoạch định ra chủ trương, đường lối. Vì vậy, việc xây dựng một tập thể lãnh đạo cấp cao của Đảng đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ của cách mạng trong mỗi thời kỳ là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng. Quán triệt quan điểm này, Hội nghị Trung ương 6 (khoá XI) đã thông qua Đề án: *“Quy hoạch Ban chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các chức danh lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước nhiệm kỳ 2016 - 2021 và các nhiệm kỳ tiếp theo”*.

(2). *Nguy cơ về sự suy thoái, biến chất của đội ngũ cán bộ, đảng viên và tệ nạn quan liêu, tham nhũng, lãng phí.* Khi Đảng đã trở thành Đảng cầm quyền, một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên trở thành những cán bộ có chức, có quyền trong hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở. Đây là điều kiện dễ làm cho cán bộ, đảng viên thoái hoá, biến chất, chạy theo chức, quyền, danh, lợi, dẫn đến phai nhạt lý tưởng, xa rời nhân dân, tham nhũng, lãng phí. Trong điều kiện mới hiện nay, nguy cơ suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống và những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ ngày càng tinh vi, phức tạp; nếu không kịp thời đấu tranh, khắc phục sẽ dẫn đến sự suy vong của Đảng.

Như vậy, 4 nguy cơ mà Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ khoá VII của Đảng đã chỉ ra, đến nay vẫn còn nguyên tính thời sự, nó không chỉ còn là nguy cơ, mà đã trở thành thách thức trong thực tế và ngày càng trở nên bức thiết đối với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay.

II. NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CẦM QUYỀN

1. Năng lực lãnh đạo của Đảng cầm quyền

Khi trở thành Đảng cầm quyền lãnh đạo đất nước, Đảng cầm quyền phải đề ra chủ trương, đường lối và lãnh đạo thực hiện để xây dựng, phát triển đất nước. Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của Đảng đề ra chính là thước đo để đánh giá năng lực lãnh đạo và vai trò cầm quyền của Đảng đó. Năng lực lãnh đạo của Đảng cầm quyền thể hiện tập trung trên 5 nội dung chủ yếu sau:

(1). Năng lực nhận thức quy luật khách quan và vận dụng sáng tạo, phù hợp với điều kiện thực tiễn của đất nước để đề ra chủ trương, đường lối cách mạng

đúng đắn. Đồng thời, phải có năng lực tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, làm sáng tỏ những vấn đề mới nảy sinh, tạo sự thống nhất nhận thức trong toàn Đảng.

(2). Năng lực thể chế hoá, cụ thể hoá chủ trương, đường lối của Đảng thành Hiến pháp, pháp luật, các chính sách, chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ và giải pháp để phát triển đất nước, phản ánh ý chí, nguyện vọng chính đáng của nhân dân.

(3). Năng lực tổ chức, lãnh đạo Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị để thực hiện thắng lợi các chủ trương, đường lối, chính sách, mục tiêu, nhiệm vụ mà Đảng đã đề ra. Đây thực chất là năng lực lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Đảng phải xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh; bộ máy gọn nhẹ, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

(4). Năng lực kiểm tra, giám sát hoạt động của hệ thống chính trị; kịp thời phát hiện và xử lý đúng đắn, có hiệu quả những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn;

(5). Năng lực phát hiện, đấu tranh khắc phục sự suy thoái, biến chất và tiêu cực ở trong Đảng, trong xã hội; sự chống phá của các thế lực phản động, thù địch.

2. Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng cầm quyền

Để nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng cầm quyền, Đảng phải đồng thời nâng cao cả 5 năng lực nêu trên, *trong đó, việc nâng cao năng lực hoạch định chiến lược, đề ra đường lối chính trị đúng đắn và xây dựng Nhà nước pháp quyền vững mạnh, Nhà nước của dân, do dân và vì nhân dân là quan trọng nhất.*

Trong quá trình lãnh đạo, Đảng ta luôn quán triệt các quan điểm lớn sau đây:

(1). *Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; trung thành với chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và vận dụng sáng tạo, phù hợp với đặc điểm, tình hình thực tiễn của cách mạng Việt Nam; phản ánh được ý chí và tâm tư, nguyện vọng chính đáng của nhân dân.*

(2). *Không ngừng nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ trí tuệ của toàn Đảng, trước hết là đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở các cấp; không hoang mang, dao động trong bất cứ tình huống nào, kể cả những lúc khó khăn, phức tạp nhất của tình hình thế giới.*

(3). *Kiên trì thực hiện đường lối đổi mới, kiên quyết đấu tranh chống đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập và các khuynh hướng giáo điều, bảo thủ, trì trệ hoặc chủ quan, nóng vội, đổi mới vô nguyên tắc.* Phải đổi mới toàn diện nhưng cần có lộ trình và bước đi thích hợp; phải trên cơ sở đổi mới về kinh tế mà từng bước đổi mới hệ thống chính trị cho phù hợp.

(4). Trong quá trình xây dựng, hoạch định đường lối, Đảng phải quán triệt và thực hiện đồng bộ, chặt chẽ các nhiệm vụ lớn cách mạng trong thời kỳ đổi mới là: Phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, phát triển văn hoá - nền tảng tinh thần của xã hội.

Đặc biệt, trong quá trình thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra phải xử lý và giải quyết tốt 8 mối quan hệ lớn sau:

- Quan hệ giữa đổi mới với ổn định và phát triển;
- Quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới hệ thống chính trị;
- Quan hệ giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa;
- Quan hệ giữa phát triển lực lượng sản xuất với xây dựng, hoàn thiện quan hệ sản xuất;
- Quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội;
- Quan hệ giữa xây dựng CNXH với bảo vệ Tổ quốc XHCN;
- Quan hệ giữa độc lập tự chủ với hội nhập quốc tế;
- Quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ.

(5). Là Đảng duy nhất cầm quyền, Đảng lãnh đạo xã hội thông qua Nhà nước. Đảng phải xây dựng Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả. Thường xuyên đổi mới phương thức lãnh đạo đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, huy động sức mạnh tổng hợp để thực hiện thắng lợi đường lối của Đảng đề ra.

III. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1. Quá trình cách mạng của Đảng

Từ ngày thành lập (3/2/1930) đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, đã lãnh đạo nhân dân Việt Nam tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài, gian khổ, vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách và giành được những thắng lợi vĩ đại: Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đập tan ách thống trị của thực dân, phong kiến, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (nay là Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam), Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á, đưa dân tộc Việt Nam tiến vào kỷ nguyên độc lập, tự do; thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống xâm lược, mà đỉnh cao là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, năm 1954, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân

năm 1975, hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, bảo vệ Tổ quốc và làm tròn nghĩa vụ quốc tế; thắng lợi của công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế, đưa đất nước tiếp tục quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Những thắng lợi của cách mạng Việt Nam đã giành được trong hơn 86 năm qua đều gắn liền với quá trình xây dựng, trưởng thành và phát triển của Đảng. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, Việt Nam từ một nước thuộc địa nửa phong kiến đã trở thành một quốc gia độc lập, tự do, phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa; đất nước đã thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, đang đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; có quan hệ quốc tế rộng rãi, có vị thế ngày càng quan trọng trong khu vực và trên thế giới.

2. Bản chất, mục đích và nền tảng tư tưởng của Đảng

Cương lĩnh chính trị và Điều lệ Đảng đã xác định như sau:

- Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và dân tộc Việt Nam.

- Mục đích của Đảng là xây dựng nước Việt Nam hoà bình, độc lập, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, thực hiện thành công chủ nghĩa xã hội và cuối cùng là chủ nghĩa cộng sản.

- Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa trí tuệ của nhân loại, nắm vững quy luật khách quan, xu thế thời đại và thực tiễn của đất nước để đề ra Cương lĩnh chính trị, đường lối cách mạng đúng đắn, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân.

3. Nguyên tắc tổ chức và phương thức hoạt động của Đảng

- Đảng Cộng sản Việt Nam là một tổ chức chặt chẽ, thống nhất ý chí và hành động, lấy *tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản*, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, đồng thời thực hiện các nguyên tắc: tự phê bình và phê bình; đoàn kết trên cơ sở Cương lĩnh chính trị và Điều lệ Đảng; Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, chịu sự kiểm tra, giám sát của nhân dân và chịu trách nhiệm trước nhân dân về những quyết định của mình; Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

- Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo Nhà nước và xã hội bằng Cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn; bằng công tác tuyên truyền, giáo dục, thuyết phục, vận động; bằng công tác tổ chức, cán bộ và kiểm tra;

bằng tổ chức của đảng trong các tổ chức của hệ thống chính trị và sự gương mẫu của cán bộ, đảng viên.

- Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị; Đảng giới thiệu những đảng viên có đủ phẩm chất, năng lực tham gia trong các cơ quan lãnh đạo của hệ thống chính trị. Đảng tôn trọng, phát huy quyền làm chủ của nhân dân; chịu sự kiểm tra, giám sát của nhân dân và dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng..

4. Hệ thống tổ chức của Đảng và đảng viên hiện nay

Để bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với Nhà nước và xã hội, các tổ chức đảng được thành lập ở mọi nơi, ở tất cả các cấp, các ngành, các lĩnh vực hoạt động của đời sống xã hội từ trung ương đến địa phương và cơ sở. Hệ thống tổ chức cơ bản của Đảng được thành lập tương ứng với hệ thống tổ chức hành chính 4 cấp của Nhà nước gồm: cấp trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện và cấp cơ sở. Ngoài ra, tổ chức đảng còn được lập ra ở những nơi có đặc điểm riêng theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

Hiện nay, toàn Đảng có 68 đảng bộ trực thuộc Trung ương, gồm: 58 đảng bộ tỉnh, 05 đảng bộ thành phố, 05 đảng bộ trực thuộc Trung ương (Đảng bộ Quân đội, Đảng bộ Công an, 02 Đảng bộ Khối và Đảng bộ Ngoài nước). Có hơn 1.300 đảng bộ cấp trên cơ sở (gần 700 đảng bộ huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và hơn 600 đảng bộ tương đương là cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng).

Tính đến 31/12/2015, toàn Đảng có gần 57.000 tổ chức cơ sở đảng, với tổng số hơn 4,5 triệu đảng viên. Có 5 loại hình tổ chức cơ sở đảng cơ bản là: Tổ chức cơ sở đảng xã, phường, thị trấn; tổ chức cơ sở đảng trong các loại hình doanh nghiệp; tổ chức cơ sở đảng trong cơ quan hành chính; tổ chức cơ sở đảng trong các đơn vị sự nghiệp và tổ chức cơ sở đảng trong các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang.

5. Bài học kinh nghiệm qua 30 năm đổi mới (1986 - 2016)

Trên cơ sở tổng kết 30 năm đổi mới (1986 - 2016), Đảng ta đã rút ra 5 bài học kinh nghiệm lớn sau đây:

Một là, trong quá trình đổi mới phải chủ động, không ngừng sáng tạo trên cơ sở kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại. *Đây là bài học về Sự kiên định và sáng tạo.*

Hai là, đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò làm chủ, tinh thần trách nhiệm, sức sáng tạo và mọi nguồn lực của nhân dân. *Đây là bài học về phát huy sức mạnh của Nhân dân.*

Ba là, đổi mới phải toàn diện, đồng bộ, có bước đi phù hợp, phải xuất phát từ thực tiễn, bám sát thực tiễn, tập trung giải quyết kịp thời, hiệu quả những vấn đề do thực tiễn đặt ra. *Đây là bài học về đổi mới toàn diện, đồng bộ và xuất phát từ thực tiễn.*

Bốn là, phải đặt lợi ích của quốc gia – dân tộc lên trên hết; kiên định độc lập, tự chủ, đồng thời chủ động, tích cực hội nhập quốc tế trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. *Đây là bài học về lợi ích dân tộc và phát huy sức mạnh tổng hợp.*

Năm là, phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và của cả hệ thống chính trị; tăng cường mối quan hệ mật thiết với nhân dân. *Đây là bài học về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị.*

Phần thứ hai

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG HIỆN NAY

I. TÌNH HÌNH CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG NHIỆM KỲ 2010 - 2015

Nghị quyết Đại hội XII của Đảng đã đánh giá về công tác xây dựng Đảng hiện nay như sau:

1. Ưu điểm

- Công tác xây dựng Đảng về chính trị trước tình hình mới tiếp tục được coi trọng. Kiên định chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; chống giáo điều, bảo thủ, trì trệ hoặc chủ quan, nóng vội.

- Công tác tư tưởng được coi trọng và tăng cường, góp phần tạo sự thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội. Tích cực đấu tranh với âm mưu và hoạt động “Diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch; chủ động phòng ngừa, đấu tranh, phê phán, ngăn chặn những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ Đảng. Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận được quan tâm và đẩy mạnh hơn. Coi trọng rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân trong cán bộ, đảng viên. Việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh đạt kết quả bước đầu quan trọng.

- Tổ chức bộ máy các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục được sắp xếp, kiện toàn theo yêu cầu, nhiệm vụ

mới. Công tác xây dựng, củng cố, kiện toàn tổ chức cơ sở đảng, việc phát triển và nâng cao chất lượng đảng viên đã được các cấp ủy, tổ chức đảng tập trung chỉ đạo thực hiện, nhất là đối với những tổ chức cơ sở đảng yếu kém.

- Nhiều chủ trương, nguyên tắc, quan điểm, giải pháp lớn về công tác cán bộ được thể chế, cụ thể hóa bằng các quy định, quy chế, quy trình bảo đảm dân chủ, chặt chẽ hơn. Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị từng bước được nâng lên, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được các cấp ủy, tổ chức đảng quan tâm chỉ đạo, tổ chức thực hiện và đạt nhiều kết quả; công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng được tăng cường, có hiệu lực, hiệu quả hơn. Nhiều vụ việc, vụ án tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp được phát hiện, điều tra, xử lý nghiêm minh, được dư luận đồng tình, ủng hộ.

- Công tác dân vận được quan tâm và có bước đổi mới cùng với việc ban hành, thực hiện nhiều chủ trương, chính sách phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội; nâng cao đời sống vật chất của nhân dân.

- Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị tiếp tục được đổi mới, bảo đảm giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, đồng thời phát huy vai trò, tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị, nhất là vai trò của Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc.

Với những kết quả quan trọng nêu trên, Đảng ta giữ vững được bản lĩnh chính trị, bản chất cách mạng và khoa học, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kiên định đường lối đổi mới, xứng đáng là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội.

2. Hạn chế, khuyết điểm:

- Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của không ít tổ chức đảng còn thấp, thậm chí có nơi mất sức chiến đấu; công tác quản lý, giáo dục rèn luyện đảng viên ở một số nơi chưa được quan tâm thường xuyên, chất lượng sinh hoạt đảng chưa cao, tự phê bình và phê bình yếu. Việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh chưa đều, chưa đi vào chiều sâu; một số nơi thực hiện còn hình thức.

- Chậm khắc phục những hạn chế của công tác tư tưởng như thiếu sắc bén, chưa thuyết phục. Đấu tranh chống âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch; phòng, chống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” còn bị động, hiệu quả chưa cao. Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận chưa đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới.

- Tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị còn cồng kềnh, nhiều tầng nấc; chức năng, nhiệm vụ một số tổ chức còn chồng chéo, hiệu lực, hiệu quả hoạt động chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Tình trạng chạy chức, chạy quyền, chạy tuổi, chạy bằng cấp,... chưa được ngăn chặn, đẩy lùi.

- Chưa nắm và giải quyết tốt vấn đề chính trị hiện nay, trong khi những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” có xu hướng diễn biến phức tạp trong Đảng, trong hệ thống chính trị và trong xã hội.

- Chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và xử lý tổ chức đảng, đảng viên vi phạm chưa cao, chưa đủ sức góp phần ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong nội bộ Đảng. Chất lượng, hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí chưa đạt mục tiêu, yêu cầu. Tham nhũng, lãng phí vẫn còn nghiêm trọng, với những biểu hiện ngày càng tinh vi, phức tạp.

- Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội còn chậm, nhất là việc cụ thể hóa phương thức lãnh đạo của Đảng đã được xác định trong Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011).

Những hạn chế, khuyết điểm trên đây làm cho Đảng ta chưa thật sự trong sạch, vững mạnh, làm giảm lòng tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 4 (Khóa XI)

Nhằm cụ thể hoá thực hiện Nghị quyết Đại hội XI về công tác xây dựng Đảng, Hội nghị lần thứ 4, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) đã ban hành Nghị quyết “*Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay*”. Đây là một Nghị quyết về xây dựng Đảng được Trung ương thảo luận và thống nhất rất cao. Nghị quyết của Trung ương đã chọn đúng và trúng những vấn đề cấp bách nhất của công tác xây dựng Đảng hiện nay; đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn và phù hợp với tâm tư, nguyện vọng của tuyệt đại đa số cán bộ, đảng viên và nhân dân.

1. Sở dĩ Trung ương phải ban hành Nghị quyết này, vì 4 lý do sau:

(1). *Vai trò lãnh đạo của Đảng và công tác xây dựng Đảng luôn luôn có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với sự nghiệp cách mạng.* Đây là bài học lớn, là kết luận sâu sắc được rút ra trong suốt quá trình cách mạng hơn 80 năm của Đảng, đồng thời cũng là lý luận khoa học và kinh nghiệm thực tiễn của nhiều đảng, nhiều nước trên thế giới. Trong Cương lĩnh của Đảng đã khẳng định: “*Sự lãnh đạo đúng*

đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam”.
Đây là vấn đề trước kia đã như vậy, hiện nay như vậy, và sau này cũng như vậy.

(2). *Yêu cầu, nhiệm vụ của cách mạng thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trong điều kiện thực hiện kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu, rộng là nhiệm vụ rất to lớn, nặng nề và rất khó khăn. Nhiệm vụ đó đòi hỏi Đảng phải nâng tầm lãnh đạo cao hơn nữa, nâng sức chiến đấu mạnh hơn nữa mới đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ.*

(3). *Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, bên cạnh những mặt tích cực, bản chất và truyền thống tốt đẹp được phát huy, bản thân Đảng cũng còn nhiều khuyết điểm, yếu kém chậm được khắc phục. Cụ thể là:*

- Trong điều kiện Đảng cầm quyền, đất nước phát triển kinh tế thị trường và mở cửa, hội nhập quốc tế, thực tế đã có một bộ phận cán bộ, đảng viên suy thoái nghiêm trọng về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, thể hiện ở chỗ: phai nhạt lý tưởng, không kiên định con đường XHCN, dao động, thiếu niềm tin; sa sút ý chí chiến đấu, thấy đúng không dám bảo vệ, thấy sai không dám đấu tranh, thậm chí còn phụ hoạ với những quan điểm sai trái; không còn ý thức hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân, không làm tròn chức trách, bổn phận được giao; sống ích kỷ, cơ hội, vụ lợi, hám danh, tham nhũng, lãng phí, lợi ích nhóm; tình trạng bè phái, cục bộ, mất đoàn kết và phong cách quan liêu, xa dân, vô cảm trước những khó khăn, bức xúc của dân. Tình hình đó đã làm xói mòn và suy giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, ảnh hưởng đến uy tín và vai trò lãnh đạo của Đảng.

- Trước yêu cầu nhiệm vụ của thời kỳ mới, việc xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp có đủ phẩm chất, năng lực có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, nhất là ở cấp Trung ương. Tuy nhiên, vấn đề này chưa được chỉ đạo và xây dựng một cách cơ bản nên dẫn đến tình trạng hẫng hụt, chấp vá, không đồng bộ và thiếu chủ động trong công tác bố trí, phân công cán bộ.

- Việc chấp hành các nguyên tắc tổ chức của Đảng không được chặt chẽ và còn bị vi phạm, đã dẫn đến tình trạng không rõ ràng, rành mạch về thẩm quyền, trách nhiệm cá nhân người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị và mối quan hệ với tập thể cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị. Nguyên tắc “tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách” ở nhiều nơi rơi vào hình thức do không xác định rõ cơ chế trách nhiệm, mối quan hệ giữa tập thể và cá nhân. Do đó, vừa có hiện tượng dựa dẫm vào tập thể, vừa không khuyến khích người đứng đầu có nhiệt tình, tâm huyết, dám nghĩ, dám làm; tạo kẽ hở cho các việc làm tắc trách, trì trệ, hoặc lạm dụng quyền lực để mưu cầu lợi ích cá nhân.

Những khuyết điểm, yếu kém của công tác xây dựng Đảng nêu trên: xét về tính chất là nghiêm trọng, kéo dài; về phạm vi là tương đối phổ biến ở các cấp, các ngành; về xu hướng là diễn biến phức tạp, chưa ngăn chặn, đẩy lùi được; về hậu quả là làm giảm sút niềm tin của nhân dân đối với Đảng; làm suy giảm uy tín, vai trò, sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của Đảng, Nhà nước. Những khuyết điểm đó, nếu không được khắc phục kịp thời sẽ là thách thức đối với vai trò lãnh đạo của Đảng, sự tồn vong của Đảng và chế độ.

(4). Sự chống phá điên cuồng, quyết liệt của các thế lực thù địch, bằng chiến lược “Diễn biến hoà bình” rất tinh vi, thâm độc và xảo quyệt. Mục tiêu của chúng là làm cho nội bộ Đảng “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” và cuối cùng là nhằm xoá bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Như vậy, trong bối cảnh và tình hình nêu trên, nếu Đảng không giữ vững được bản chất cách mạng và khoa học của mình, không thật vững vàng về chính trị, tư tưởng; không thống nhất cao về ý chí, hành động; không trong sạch về đạo đức, lối sống; không chặt chẽ về tổ chức; không được nhân dân ủng hộ thì Đảng không thể đứng vững và đủ sức để lãnh đạo đưa đất nước đi lên.

2. Nội dung, mục tiêu và phương châm thực hiện Nghị quyết

2.1. Nội dung Nghị quyết: Trên cơ sở đánh giá đúng thực trạng tình hình Đảng và công tác xây dựng Đảng, Nghị quyết Trung ương 4 đã chỉ ra 3 vấn đề cấp bách nhất của công tác xây dựng Đảng hiện nay là: (1). Kiên quyết đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp. (2). Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là cấp Trung ương, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế. (3). Xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trong mối quan hệ với tập thể cấp ủy, lãnh đạo cơ quan, đơn vị; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Trong 3 vấn đề trên, Nghị quyết xác định vấn đề thứ nhất là trọng tâm, xuyên suốt và cấp bách nhất.

2.2. Mục tiêu của Nghị quyết:

Tạo được sự chuyển biến rõ rệt, khắc phục được những hạn chế, yếu kém trong công tác xây dựng Đảng hiện nay, nhằm xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh, không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng.

2.3. Phương châm tiến hành:

(1). Phải nhìn thẳng vào những khuyết điểm, yếu kém, không nể nang, né tránh và đề ra các giải pháp sửa chữa khuyết điểm. Những cán bộ, đảng viên có khuyết điểm nhưng tự giác, thành khẩn nhận khuyết điểm và quyết tâm sửa chữa thì có thể xem xét, giảm nhẹ hoặc không xử lý với phương châm “trị bệnh cứu người”; những người có khuyết điểm nhưng không tự giác, thành khẩn thì phải xử lý nghiêm khắc theo quy định của Điều lệ Đảng.

(2). Phải có các giải pháp đồng bộ, khả thi và tiến hành có trọng tâm, trọng điểm; kết hợp “chống để xây” và “xây để chống”; thực hiện nói đi đôi với làm; tập trung giải quyết những vấn đề bức xúc, trì trệ nhất;

(3). Phải bình tĩnh, tỉnh táo, không nóng vội, cực đoan; đồng thời không để rơi vào trì trệ, hình thức; giữ đúng nguyên tắc, không để các thế lực thù địch, cơ hội lợi dụng, kích động, xuyên tạc, đả kích, gây rối nội bộ.

3. Giải pháp thực hiện Nghị quyết

Để giải quyết 03 vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng nêu trên, Nghị quyết Trung ương đề ra 04 nhóm giải pháp đồng bộ để thực hiện là:

(1). *Nhóm giải pháp về tự phê bình và phê bình, nêu cao tính tiên phong gương mẫu của cấp trên;*

(2). *Nhóm giải pháp về tổ chức, cán bộ và sinh hoạt đảng;*

(3). *Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách;*

(4). *Nhóm giải pháp về công tác giáo dục chính trị tư tưởng.*

Trong 04 Nhóm giải pháp trên, thì nhóm giải pháp về tự phê bình và phê bình, nêu cao tính tiên phong gương mẫu của cấp trên có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với kết quả thực hiện Nghị quyết.

4. Tình hình và kết quả thực hiện Nghị quyết

4.1. Kết quả đạt được và nguyên nhân

Nghị quyết Đại hội XII của Đảng đánh giá: Qua triển khai học tập và tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 về xây dựng Đảng, đã đạt được những kết quả bước đầu quan trọng. Các cấp ủy, tổ chức đảng đã nhận diện rõ hơn, sâu sắc hơn những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên; bước đầu ngăn, khắc phục được một số biểu hiện suy thoái trong Đảng; có tác dụng cảnh báo, cảnh tỉnh, răn đe, phòng ngừa sai phạm; khắc phục được một số hạn chế, khuyết điểm trong công tác cán bộ và việc thực hiện các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể

lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và luân chuyển cán bộ được đẩy mạnh hơn.

Những kết quả đạt được thể hiện trên các nội dung chính sau đây:

Một là, thông qua việc tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, các cấp ủy, tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên đã nhận thức sâu sắc hơn ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác xây dựng Đảng; thấy rõ hơn tính cấp bách và sự cần thiết phải tiếp tục đổi mới, chỉnh đốn Đảng, xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh; từ đó xác định ý thức trách nhiệm và đề cao tinh thần tự giác trong việc thực hiện Nghị quyết.

Hai là, qua chuẩn bị và tiến hành kiểm điểm tự phê bình và phê bình; lắng nghe và tiếp thu ý kiến góp ý của các cấp ủy, tổ chức đảng, của cán bộ, đảng viên và nhân dân, các cấp ủy, tổ chức đảng và từng cán bộ, đảng viên đã nhận diện rõ hơn những biểu hiện cụ thể của tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống của cán bộ, đảng viên; tự nhìn nhận, soi xét lại bản thân, thấy rõ những ưu điểm để phát huy, khuyết điểm để khắc phục; đồng thời phân tích làm rõ nguyên nhân, nhất là những nguyên nhân chủ quan của khuyết điểm, yếu kém để đề ra kế hoạch, các giải pháp sửa chữa, khắc phục khuyết điểm.

Ba là, thông qua việc kiểm điểm tự phê bình và phê bình tập thể, cá nhân ở các cấp, kết hợp với công tác kiểm tra, giám sát của Đảng, thanh tra, kiểm toán của Nhà nước và công tác điều tra, truy tố, xét xử công khai, nghiêm khắc đối với những cán bộ, đảng viên vi phạm nghiêm trọng Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước đã có tác dụng: cảnh báo, cảnh tỉnh, răn đe và phòng ngừa sai phạm; có tác dụng siết lại kỷ cương, kỷ luật và tăng cường sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng; góp phần đấu tranh, ngăn chặn một bước tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí và làm trong sạch Đảng. Trong nhiệm kỳ Đại hội khóa XI, toàn Đảng đã xử lý kỷ luật bằng các hình thức trên 74.000 đảng viên, trong đó có cả những đảng viên là cán bộ, lãnh đạo ở các cấp và xóa tên, cho ra khỏi Đảng hàng nghìn trường hợp khác, trong đó có nhiều đảng viên phải truy tố trước pháp luật.

Bốn là, sau kiểm điểm tự phê bình và phê bình, các cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên đã xây dựng kế hoạch sửa chữa, khắc phục khuyết điểm, đem lại một số kết quả tích cực trên cả ba vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay. Quá trình thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 được kết hợp chặt chẽ với đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; với thực hiện trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là đội ngũ cán bộ chủ chốt và tập trung giải quyết những vụ việc nổi cộm, phức tạp, kéo dài ở các địa phương, cơ quan, đơn vị, góp phần củng cố niềm tin của nhân dân đối với việc thực hiện Nghị quyết.

Năm là, trong bối cảnh đất nước có nhiều khó khăn và thách thức gay gắt; tình hình thế giới, khu vực có những diễn biến nhanh và phức tạp, những chuyển

biến và kết quả bước đầu của công tác xây dựng Đảng đã góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội; củng cố tiềm lực quốc phòng, an ninh; bảo đảm an sinh xã hội và thúc đẩy thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong những năm vừa qua.

Có được những kết quả trên là do:

- Việc ban hành Nghị quyết Trung ương 4 về xây dựng Đảng là một chủ trương đúng đắn, kịp thời, đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn và phù hợp với tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên và nhân dân, được dư luận trong Đảng, trong xã hội đồng tình ủng hộ, tích cực tham gia.

- Việc thực hiện Nghị quyết được Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo chặt chẽ, sâu sát, bài bản, với quyết tâm chính trị cao và có một số đổi mới về nội dung, quy trình, cách làm đã đem lại hiệu quả thiết thực. Sự gương mẫu, nghiêm túc, tự giác trong kiểm điểm tự phê bình và phê bình của tập thể, cá nhân Bộ Chính trị, Ban Bí thư là tấm gương để cán bộ, đảng viên học tập, noi theo.

4.2. Hạn chế, khuyết điểm và nguyên nhân

Một là, trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết, một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa nhận thức đầy đủ, sâu sắc về việc kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo Nghị quyết Trung ương 4 về xây dựng đảng; nhiều cấp ủy, tổ chức đảng và cơ quan, đơn vị góp ý kiến kiểm điểm cho cấp trên, nhất là góp ý cho cá nhân còn nể nang, e ngại nên chất lượng hạn chế. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống trong cán bộ, đảng viên tuy đã được đấu tranh, ngăn chặn một bước, nhưng vẫn còn đang tồn tại và chưa được ngăn chặn, đẩy lùi, thậm chí có mặt còn phát triển tinh vi, phức tạp hơn trước.

Hai là, quá trình chuẩn bị và tiến hành kiểm điểm tự phê bình và phê bình tập thể, cá nhân, một số cán bộ, đảng viên, kể cả cán bộ lãnh đạo, quản lý ở các cấp chưa nhìn nhận đúng mức khuyết điểm và trách nhiệm của mình trước những hạn chế, khuyết điểm của tập thể; một số vấn đề dư luận quan tâm như tình trạng chạy chức, chạy quyền, chạy việc, chạy tội, lợi ích nhóm..., vẫn chưa làm rõ được thực chất và mức độ nghiêm trọng của tình hình, chưa chỉ ra được địa chỉ cụ thể và trách nhiệm của tập thể, cá nhân.

Ba là, sau kiểm điểm tự phê bình và phê bình, một số nơi chậm đề ra kế hoạch, biện pháp sửa chữa, khắc phục khuyết điểm hoặc xây dựng kế hoạch còn chung chung, thiếu cụ thể; việc chỉ đạo thực hiện kế hoạch sửa chữa, khắc phục khuyết điểm ở một số nơi chưa đồng bộ, thiếu quyết liệt và kết quả còn hạn chế. Việc kiểm điểm theo Nghị quyết Trung ương 4 khi đi vào thường xuyên, gắn với kiểm điểm cuối năm ở nhiều nơi có xu hướng lỏng lẻo; tình trạng nể nang, né tránh, ngại va chạm và bệnh thành tích còn xảy ra ở nhiều nơi; chưa đi sâu phân tích, làm rõ nguyên nhân của những khuyết điểm và xác định trách nhiệm của tập thể, cá nhân liên quan.

Bốn là, việc nghiên cứu, ban hành một số quy định, quy chế, hướng dẫn để cụ thể hoá thực hiện Nghị quyết còn chậm và chưa thật đồng bộ. Một số cấp ủy, tổ chức đảng chưa coi trọng công tác kiểm tra, đôn đốc việc xây dựng, thực hiện kế hoạch sửa chữa, khắc phục khuyết điểm. Việc xem xét, xử lý một số trường hợp vi phạm khuyết điểm chưa kịp thời, nghiêm khắc; một số vụ việc nổi cộm, phức tạp, gây bức xúc trong Đảng và trong xã hội giải quyết còn chậm so với yêu cầu.

Năm là, việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh ở nhiều nơi còn hình thức, mang tính phong trào, chưa trở thành công việc cụ thể hàng ngày của mỗi cán bộ, đảng viên. Công tác thông tin, tuyên truyền về thực hiện Nghị quyết còn hạn chế, chưa mạnh mẽ và có lúc thiếu kịp thời.

Nguyên nhân của những hạn chế, khuyết điểm trên là do:

- Những vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay là những vấn đề lớn, khó và phức tạp, trong đó có những vấn đề đã tồn đọng kéo dài qua nhiều nhiệm kỳ, liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, đòi hỏi phải có thời gian mới có thể khắc phục, giải quyết được.

- Công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát thực hiện của một số cấp ủy, tổ chức đảng chưa thường xuyên, chặt chẽ và thiếu kiên quyết; một số vụ việc phức tạp, nổi cộm còn để kéo dài, chưa được xử lý kịp thời, dứt điểm.

- Một bộ phận cán bộ, đảng viên tính chiến đấu yếu, còn nể nang, né tránh; một số đảng viên chưa tự giác thực hiện, thậm chí còn nghi ngờ, thiếu tin vào kết quả thực hiện Nghị quyết.

5. Một số kinh nghiệm rút ra qua thực hiện Nghị quyết

Qua thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) về xây dựng Đảng, bước đầu rút ra một số kinh nghiệm trong chỉ đạo thực hiện Nghị quyết như sau:

(1) Việc xây dựng và cụ thể hoá Nghị quyết được Bộ Chính trị, Ban Bí thư tập trung chỉ đạo khẩn trương, nghiêm túc, có sự đổi mới về nội dung và cách làm. Nghị quyết không đề cập toàn diện các mặt của công tác xây dựng Đảng, chỉ tập trung vào 03 vấn đề cấp bách nhất hiện nay để thực hiện. Đồng thời, ban hành sớm và khá đồng bộ các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai thực hiện Nghị quyết ở các cấp.

(2) Đã chỉ đạo chặt chẽ, nghiêm túc và dứt điểm việc học tập, quán triệt Nghị quyết, tạo sự thống nhất và nâng cao nhận thức, hành động trong toàn Đảng. Bộ Chính trị tổ chức hội nghị cán bộ toàn quốc để nghiên cứu, học tập, quán triệt Nghị quyết với quy mô lớn nhất từ trước đến nay và tổ chức hai hội nghị với các đồng chí nguyên là cán bộ cao cấp của Đảng, Nhà nước đã nghỉ hưu, tạo sự thống nhất nhận thức trong toàn Đảng. Do vậy, mỗi cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên thấy rõ hơn trách nhiệm, bổn phận của mình đối với vận mệnh của Đảng, của dân tộc, đề cao ý thức tự giác, tinh thần trách nhiệm trong thực hiện Nghị quyết.

(3) Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã tập trung chỉ đạo việc nghiên cứu, cụ thể hoá, thể chế hoá nội dung Nghị quyết thành các chương trình, kế hoạch hoạt động và ban hành các quy định, quyết định, quy chế, hướng dẫn để thực hiện; đồng thời, triển khai thực hiện khá toàn diện, đồng bộ các nhóm giải pháp mà Nghị quyết đề ra. Chỉ đạo chặt chẽ, cụ thể và có những đổi mới về nội dung, quy trình, cách làm trong quá trình chuẩn bị và tiến hành kiểm điểm, tự phê bình và phê bình. Quá trình chuẩn bị kiểm điểm, cấp ủy lấy ý kiến góp ý của các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc, các ban, ngành, đoàn thể và các đồng chí nguyên là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt cùng cấp bằng các hình thức phù hợp. Việc kiểm điểm tiến hành từ trên xuống dưới, tập thể trước, cá nhân sau và phát huy vai trò gương mẫu của cấp trên, người đứng đầu. Cấp ủy cấp trên rà soát, đánh giá và gợi ý nội dung kiểm điểm sâu đối với những tập thể, cá nhân có vấn đề nổi cộm; thành lập các Tổ Công tác của cấp ủy cấp trên chỉ đạo, dự và theo dõi việc kiểm điểm, nhất là ở những nơi có vấn đề nổi cộm được cấp trên gợi ý kiểm điểm...

(4) Sau kiểm điểm, cấp ủy có kết luận bằng văn bản về những ưu, khuyết điểm của tập thể và mỗi cá nhân; báo cáo kết quả kiểm điểm với cấp ủy cấp trên và trình hội nghị cấp ủy hoặc hội nghị cán bộ chủ chốt cùng cấp để đánh giá kết quả theo các tiêu chí đã quy định. Trong quá trình kiểm điểm, những vấn đề nào đã rõ thì kết luận và chỉ đạo sửa chữa, khắc phục ngay; vấn đề nào chưa rõ thì cấp ủy giao cho cơ quan chức năng thẩm tra, xác minh, làm rõ trước khi kết luận; tập thể, cá nhân nào kiểm điểm chưa đạt yêu cầu thì phải tiến hành kiểm điểm bổ sung hoặc kiểm điểm lại.

(5) Cấp ủy thông báo kết quả kiểm điểm và phổ biến, rút kinh nghiệm cho cấp dưới; thông báo kết quả tiếp thu ý kiến góp ý kiểm điểm đối với những tập thể, cá nhân đã đóng góp ý kiến cho tập thể và cá nhân trước kiểm điểm. Sau kiểm điểm của cấp trên, cấp ủy tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt để thông báo kết quả kiểm điểm, phổ biến kinh nghiệm, cách làm để cấp dưới học tập, noi theo. Đồng thời, cấp ủy thông báo kết quả việc tiếp thu những ý kiến góp ý của các tập thể và cá nhân đã góp ý trước khi kiểm điểm bằng các hình thức phù hợp.

(6) Trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các cấp ủy đã thường xuyên chỉ đạo, theo dõi, nắm chắc tình hình, tiến độ và kết quả thực hiện Nghị quyết; thường xuyên kiểm tra, kịp thời chấn chỉnh, uốn nắn những biểu hiện sai sót, lệch lạc ở các cấp; đồng thời, bám sát thực tiễn để kịp thời bổ sung, điều chỉnh các giải pháp cho phù hợp, hiệu quả.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Phương hướng chung

Để giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng trong điều kiện thực hiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và chủ động hội nhập quốc tế, Nghị quyết Đại hội XII của Đảng đã xác định: Trong những năm tới, yêu cầu, nhiệm vụ nặng nề của thời kỳ phát triển mới đòi hỏi phải đẩy mạnh hơn nữa công tác xây dựng Đảng, trọng tâm là kiên quyết, kiên trì tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) “*Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay*”. Các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị và cá nhân cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp từ Trung ương đến cơ sở phải nghiêm túc, tự giác và có kế hoạch, biện pháp phù hợp để khắc phục, sửa chữa những yếu kém khuyết điểm.

2. Nhiệm vụ và giải pháp

Nhằm đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng, Đại hội XII của Đảng đã đề ra 10 nhiệm vụ, giải pháp về công tác xây dựng Đảng, trong đó có 2 nhiệm vụ mới so với Đại hội XI. Cụ thể là:

2.1. Hai nhiệm vụ mới được bổ sung

(1) Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tăng cường mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với nhân dân.

Đại hội XI chưa có mục riêng về công tác dân vận. Xuất phát từ vị trí, vai trò quan trọng của công tác dân vận trong tình hình mới, Đại hội XII có mục riêng về công tác dân vận nhằm cụ thể hoá thực hiện Hiến pháp năm 2013 về tăng cường mối quan hệ gắn bó máu thịt giữa Đảng với nhân dân và tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khóa XI) về “*Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Dân vận trong tình hình mới*”. Nghị quyết Đại hội XII của Đảng nhấn mạnh: Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác dân vận trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Đội ngũ cán bộ, đảng viên phải thật sự tin dân, trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân, dựa vào dân, có trách nhiệm với dân. Củng cố vững chắc niềm tin của nhân dân đối với Đảng, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc và mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân; giải quyết kịp thời, hiệu quả những bức xúc, những kiến nghị chính đáng của nhân dân và khiếu nại, tố cáo của công dân. Tiếp tục thể chế hóa, cụ thể hóa mối quan hệ “*Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ*”, nhất là nội dung nhân dân làm chủ và phương châm “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, giám sát*”.

(2) Đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí

Ở Đại hội XI, công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí được thể hiện trong nội dung xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Ở Đại hội XII, vấn đề đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí được đưa vào nội dung công tác xây dựng Đảng, nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và thể hiện quyết tâm chính trị của Đảng ta về đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Nghị quyết Đại hội XII nêu rõ: Đấu tranh phòng, chống tham nhũng là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng đồng thời là nhiệm vụ khó khăn, phức tạp, lâu dài. Các cấp ủy đảng, trước hết là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền và toàn hệ thống chính trị phải kiên quyết phòng, chống tham nhũng, lãng phí; xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi tham nhũng, lãng phí và bao che, dung túng, tiếp tay cho tham nhũng, lãng phí. Báo cáo đề ra một số nhiệm vụ, giải pháp mới là: Hoàn thiện các quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước để bảo đảm công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí có hiệu lực, hiệu quả, nhất là trong các lĩnh vực có nguy cơ tham nhũng cao như: quản lý và sử dụng đất đai; khai thác tài nguyên, khoáng sản; thu chi ngân sách và mua sắm tài sản công; thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản. Kiên quyết, kiên trì xây dựng cơ chế phòng ngừa để *không thể tham nhũng*; cơ chế răn đe, trừng trị để *không dám tham nhũng*. Quy định rõ việc kê khai, công khai và kiểm tra, xác minh về kê khai thu nhập, tài sản của cán bộ lãnh đạo, quản lý ở các cấp để bảo đảm tính công khai, minh bạch.

2.2. Ngoài 2 nhiệm vụ mới, Đại hội XII kế thừa, phát triển 8 nhiệm vụ về xây dựng Đảng của Đại hội XI, nhưng được bổ sung, phát triển hơn. Cụ thể là:

(1). Chú trọng xây dựng Đảng về chính trị.

Đại hội XII bổ sung và nhấn mạnh một số nhiệm vụ, giải pháp mới là: Kiên định những vấn đề có tính nguyên tắc trong công tác xây dựng Đảng. Nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng và bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng có hiệu lực, hiệu quả; bản lĩnh chính trị của Đảng, của các tổ chức đảng, của cán bộ, đảng viên. Nâng cao năng lực hoạch định đường lối, chính sách phù hợp với quy luật khách quan và đặc điểm của Việt Nam, tạo bước đột phá để phát triển. Hoàn thiện cơ chế, quy chế và tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả việc tự phê bình, phê bình, chất vấn trong các kỳ họp của Ban chấp hành Trung ương, cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy các cấp. Xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả cơ chế phát huy vai trò của nhân dân trong việc tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.

(2). Đổi mới công tác tư tưởng, lý luận.

Đại hội XII bổ sung, phát triển và nhấn mạnh là: Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao hơn nữa tính chiến đấu, tính thuyết phục, hiệu quả của công

tác tư tưởng phục vụ yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị, phù hợp với từng giai đoạn, tạo sự thống nhất cao trong Đảng, đồng thuận trong xã hội; đẩy mạnh tuyên truyền, học tập chủ nghĩa Mác Lê - nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phù hợp với từng đối tượng theo hướng cụ thể, thiết thực, hiệu quả. Tiếp tục đổi mới tư duy lý luận; đẩy mạnh công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, cung cấp các luận cứ khoa học, lý luận cho hoạch định, phát triển đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Thực hiện nền nếp việc bồi dưỡng lý luận, cập nhật kiến thức mới cho cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

(3). Tăng cường rèn luyện phẩm chất, đạo đức cách mạng chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, thực dụng.

Đây là một nội dung quan trọng để thực hiện mục tiêu “*Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức*”. Việc bổ sung nội dung xây dựng Đảng về **đạo đức** là vấn đề rất quan trọng trong tình hình hiện nay nhằm đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, cục bộ, bè phái, “lợi ích nhóm”, nói không đi đôi với làm. Nghị quyết Đại hội nhấn mạnh: Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; đồng thời, đề ra một số giải pháp mới là: Thực hiện nghiêm cơ chế kiểm tra, giám sát, kiểm soát của tổ chức đảng, giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và của nhân dân về phẩm chất đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên.

(4). Tiếp tục đổi mới, kiện toàn tổ chức, bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị.

Đại hội XII tiếp tục phát triển, cụ thể hoá chủ trương của Đại hội XI và nhấn mạnh: Tiếp tục đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; xác định rõ mối quan hệ giữa tập thể lãnh đạo với cá nhân phụ trách. Thực hiện chủ trương quản lý biên chế thống nhất trong toàn bộ hệ thống chính trị; thực hiện kiêm nhiệm một số chức danh và tinh giản biên chế trong toàn hệ thống chính trị. Hoàn thiện và thực hiện nghiêm cơ chế kiểm soát quyền lực, ngăn chặn sự lạm quyền, vi phạm kỷ luật, kỷ cương. Nghiên cứu thực hiện thí điểm hợp nhất một số cơ quan đảng và nhà nước tương đồng về chức năng, nhiệm vụ.

(5). Kiện toàn tổ chức, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đảng viên.

Đại hội XII đã bổ sung và chỉ rõ một số nhiệm vụ, giải pháp mới là: Tập trung củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu, đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp, tạo chuyển biến về chất lượng hoạt động của các loại hình tổ chức cơ sở đảng, nhất là tổ chức đảng trong các cơ quan, đơn vị sự nghiệp và các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế. Kiện toàn tổ chức của hệ thống chính trị, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng ở cơ sở. Tổng kết việc thực hiện Quy định của Ban chấp hành Trung ương Đảng về đảng viên làm kinh tế tư nhân và việc thí điểm kết nạp những người là chủ doanh nghiệp tư nhân đủ tiêu chuẩn vào Đảng. Xây dựng đội ngũ đảng viên thực sự tiên phong, gương mẫu, trọng dân, gần dân, hiểu dân, vững vàng trước mọi khó khăn thách thức, phấn đấu cho mục tiêu, lý tưởng cao đẹp của Đảng.

(6). Đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ, coi trọng công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

Đại hội XII bổ sung, phát triển và nhấn mạnh: Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện “Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước”; thể chế hóa, cụ thể hóa các nguyên tắc về xây dựng Đảng; tiếp tục ban hành và thực hiện các quy chế, quy định trong công tác cán bộ bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và chặt chẽ giữa các khâu, liên thông giữa các cấp; trong đó có quy chế về việc đánh giá đúng đắn, khách quan đối với cán bộ, để có cơ sở sử dụng, bố trí cán bộ, ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng chạy chức, chạy quyền, chạy tuổi, chạy bằng cấp. Đại hội đề ra một số giải pháp mới là: Đổi mới bầu cử trong Đảng, phương thức tuyển chọn, bổ nhiệm cán bộ để lựa chọn những người có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, năng động, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm giữ các vị trí lãnh đạo, đặc biệt là người đứng đầu. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Có cơ chế, chính sách phát hiện, thu hút, sử dụng người tài. Tăng cường trách nhiệm của cấp ủy, nhất là cấp ủy cơ sở trong công tác bảo vệ chính trị nội bộ; gắn công tác bảo vệ chính trị nội bộ với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Kiên quyết đấu tranh, ngăn chặn những hiện tượng cục bộ, “lợi ích nhóm”. Đấu tranh có hiệu quả với âm mưu, hoạt động “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch.

(7). Đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng.

Đại hội XII bổ sung, phát triển và nhấn mạnh một số nhiệm vụ, giải pháp mới là: Tập trung xây dựng, hoàn thiện các quy định của Đảng để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; xử lý kịp thời, nghiêm minh tổ chức đảng, đảng viên vi phạm Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, những hành vi dung túng, bao che cho khuyết điểm, vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên, công khai kết quả xử lý. Tập trung chỉ đạo xây dựng, hoàn thiện các quy định của Đảng để nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng. Chú trọng kiểm tra, giám sát người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, tổ chức nhà nước trong việc giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống, không để người thân trong gia đình lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi. Nghiên cứu việc tăng thẩm quyền kiểm tra, thi hành kỷ luật đảng cho ủy ban kiểm tra các cấp.

(8). Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

Đại hội XII bổ sung, phát triển và nhấn mạnh một số nhiệm vụ, giải pháp mới là: Tiếp tục tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về đảng cầm quyền, xác định rõ mục đích, phương thức, nội dung và điều kiện cầm quyền; vấn đề phát huy dân chủ trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền; các nguy cơ cần lưu ý phòng ngừa đối với đảng cầm quyền. Tiếp tục cụ thể hóa phương thức lãnh đạo của Đảng đã được xác định trong Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) bằng những quy chế, quy định, quy trình cụ thể. Quy định rõ hơn Đảng phục vụ nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân về những quyết định của mình. Đẩy mạnh việc phân cấp, phân quyền; có cơ chế để các địa phương phát huy quyền chủ động, sáng tạo, gắn với đề cao trách nhiệm, đồng thời bảo đảm sự lãnh đạo, quản lý thống nhất của Trung ương.

3. Sáu nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ Đại hội XII của Đảng

Cùng với việc đề ra 10 nhiệm vụ, giải pháp lớn về công tác xây dựng Đảng, Đại hội XII xác định 6 nhiệm vụ trọng tâm trong cả nhiệm kỳ là:

(1). Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống và những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cấp chiến lược;

(2). Xây dựng tổ chức bộ máy của các tổ chức trong hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu;

(3). Tập trung thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng tăng trưởng và tăng năng suất lao động để tăng sức cạnh tranh của nền kinh tế. Thực hiện có hiệu quả 03 khâu đột phá chiến lược, cơ cấu lại tổng thể, đồng bộ nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trước hết là công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, gắn với phát triển kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới. Trước mắt, tập trung giải quyết tốt vấn đề cơ cấu lại doanh nghiệp Nhà nước, xử lý nợ xấu, bảo đảm an toàn nợ công.

(4). Bảo vệ vững chắc chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước. Mở rộng quan hệ đối ngoại; tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, thực hiện có hiệu quả hội nhập quốc tế trong điều kiện mới, nâng cao vị thế của đất nước trên trường quốc tế.

(5). Thu hút, phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực và sức sáng tạo của Nhân dân; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc.

(6). Phát huy nhân tố con người trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; tập trung xây dựng con người về đạo đức, nhân cách, lối sống, trí tuệ và năng lực làm việc; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh. Giải quyết tốt những vấn đề xã hội bức xúc, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội.

Trong 6 nhiệm vụ trọng tâm nêu trên thì nhiệm vụ trọng tâm thứ nhất và thứ hai là về công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị và đã được Ban Chấp hành Trung ương cụ thể hoá thành 3 đề án lớn trong Chương trình làm việc toàn khóa để trình ra các hội nghị Ban Chấp hành Trung ương là: **(1)** Đề án: Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống và biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ (trình Hội nghị TW 4). **(2)** Đề án: Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, gắn với xây dựng tổ chức bộ máy của toàn hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu (trình Hội nghị TW 6). **(3)**. Đề án: Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ năng lực, phẩm chất và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ (trình Hội nghị TW 7).

Phần thứ ba

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ CÁN BỘ VÀ CÔNG TÁC CÁN BỘ HIỆN NAY

I. MỘT SỐ KẾT QUẢ VỀ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC CÁN BỘ

Hội nghị lần thứ ba, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) đã ban hành Nghị quyết số 03-NQ/TW ngày 18/6/1997 về “*Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy*

manh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước”. Chiến lược cán bộ đã xác định phương hướng cơ bản, các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và những giải pháp lớn về xây dựng đội ngũ cán bộ đến năm 2020.

Sau hơn 10 năm thực hiện Chiến lược cán bộ, Hội nghị Trung ương 9 (khoá X, năm 2009), Trung ương đánh giá về đội ngũ cán bộ và công tác cán bộ như sau:

1. Về xây dựng đội ngũ cán bộ

1.1. Mặt mạnh và ưu điểm

(1). Đa số cán bộ, công chức, viên chức phấn khởi và tin tưởng vào thành công của công cuộc đổi mới; kiên định mục tiêu, con đường mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn; tham gia tích cực vào quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Năng lực, trình độ lãnh đạo, quản lý kinh tế - xã hội có tiến bộ rõ; có khả năng tiếp cận và tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong điều kiện mới; năng động, sáng tạo trong thực hiện quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, đóng góp xứng đáng vào thành công của công cuộc đổi mới đất nước.

(2). Đội ngũ cán bộ được tăng cường cả về số lượng và chất lượng; trình độ lãnh đạo, quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ được nâng lên Cơ cấu đội ngũ cán bộ ngày càng hợp lý hơn; tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ ở một số ngành, một số lĩnh vực tăng khá.

(3). Về cơ bản đã khắc phục được những biểu hiện mơ hồ, dao động về lý tưởng của một bộ phận cán bộ do tác động của sự sụp đổ mô hình CNXH ở Liên xô và các nước Đông Âu trong những năm đầu của thập kỷ 90 của thế kỷ XX và sự chuyển đổi từ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp sang cơ chế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa. Số đông cán bộ vẫn giữ được phẩm chất đạo đức, lối sống lành mạnh, giản dị, gần bó, gần gũi với nhân dân.

1.2. Mặt yếu kém, khuyết điểm

- Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, bệnh cơ hội, chủ nghĩa cá nhân, thực dụng, thoái hoá biến chất, quan liêu, tham nhũng, lãng phí, thiếu trách nhiệm, thiếu tự giác rèn luyện, phấn đấu, thiếu tinh thần đồng chí trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên diễn ra nghiêm trọng, kéo dài nhưng chưa có biện pháp hữu hiệu để ngăn chặn, xử lý kịp thời. Một số ít cán bộ có biểu hiện bất mãn, suy giảm niềm tin, nói và làm trái quan điểm, đường lối của Đảng, vi phạm nguyên tắc, vi phạm pháp luật gây ảnh hưởng xấu trong xã hội.

- Chất lượng đội ngũ cán bộ vẫn còn nhiều yếu kém, bất cập, chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ mới. Cơ cấu đội ngũ cán bộ vẫn mất cân đối giữa các ngành nghề, địa bàn, lĩnh vực; tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ xuất thân từ công nhân chưa đạt yêu cầu. Việc chuyển tiếp giữa các thế hệ cán bộ lãnh đạo chưa được chuẩn bị chu đáo; thiếu cán bộ lãnh đạo, quản lý giỏi, cán bộ đầu ngành, cán bộ có trình độ cao. Nhiều cán bộ thích làm việc ở các cơ quan nhà nước, ngại làm việc trong lĩnh vực công tác đảng, đoàn thể.

Đánh giá tổng quát: Qua thực hiện Chiến lược cán bộ, đội ngũ cán bộ ở nước ta có bước trưởng thành và tiến bộ về nhiều mặt, đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH và chủ động hội nhập quốc tế. Số đông cán bộ giữ vững được bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống lành mạnh, gắn bó với nhân dân. Công tác cán bộ đã bám sát nhiệm vụ chính trị và thể chế hoá, cụ thể hoá được nhiều chủ trương, quan điểm, giải pháp lớn đề ra trong Chiến lược cán bộ. Nội dung, phương pháp, cách làm có đổi mới, tiến bộ; dân chủ, công khai được mở rộng hơn; nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ được giữ vững.

Tuy nhiên, nhiều khuyết điểm yếu kém trong công tác cán bộ chậm được khắc phục; mới tập trung nhiều vào đối tượng cán bộ lãnh đạo, quản lý, dẫn đến sự không đồng bộ giữa các cấp, các ngành, các lĩnh vực; giữa cán bộ lãnh đạo, quản lý với cán bộ tham mưu, cán bộ khoa học và chuyên gia; giữa cán bộ Đảng, đoàn thể với cán bộ trong cơ quan Nhà nước, doanh nghiệp, lực lượng vũ trang, tạo tâm lý khép kín trong từng ngành, địa phương.

Những yếu kém, khuyết điểm nêu trên có nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân chính là do công tác giáo dục, bồi dưỡng về nhận thức, lý tưởng, đạo đức cho cán bộ, đảng viên còn hạn chế; công tác quản lý, kiểm tra, bố trí, sử dụng và thực hiện một số chính sách đối với cán bộ còn nhiều bất cập. Chưa có chính sách thu hút và tạo nguồn phát triển cán bộ; thiếu cơ chế phát hiện, tuyển chọn, đào tạo và sử dụng những người có đức, có tài. Nhiều cơ chế chính sách chậm đổi mới, làm suy giảm niềm tin và sự phấn đấu của cán bộ.

2. Về công tác cán bộ

2.1. Ưu điểm và kết quả đạt được

(1). Đảng và Nhà nước đã thể chế hoá, cụ thể hoá một bước nhiều chủ trương, quan điểm, giải pháp lớn về công tác cán bộ mà Chiến lược cán bộ đề ra thành các quy định, quy chế... để thực hiện; Ban Tổ chức Trung ương và Ủy ban kiểm tra Trung ương ban hành các văn bản hướng dẫn để thực hiện. Quốc hội đã

ban hành Luật cán bộ, công chức, viên chức; Chính phủ đã ban hành các quyết định, quy định về chế độ, chính sách quản lý, tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ.

(2). Công tác cán bộ đã bám sát nhiệm vụ chính trị và yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ trong thời kỳ mới; đã triển khai tương đối đồng bộ các khâu của công tác cán bộ, trong đó công tác quy hoạch và luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý có những chuyển biến rõ rệt.

(3). Nội dung, phương pháp, cách làm có đổi mới, tiến bộ; dân chủ, công khai trong công tác cán bộ được mở rộng hơn trên cơ sở bảo đảm nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ theo nguyên tắc tập trung dân chủ, đồng thời đề cao trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị và người đứng đầu các tổ chức đó.

2.2. Hạn chế, khuyết điểm

(1). Nhiều khuyết điểm, yếu kém trong công tác cán bộ chậm được khắc phục. Chậm đổi mới cơ chế, phương pháp và quy trình đánh giá, bổ nhiệm, miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ. Thiếu cơ chế để phát huy dân chủ, sắp xếp, bố trí lại đội ngũ cán bộ, thay thế kịp thời những cán bộ yếu kém, trì trệ. Chưa có chính sách để thu hút và trọng dụng nhân tài. Công tác cán bộ chưa góp phần đầy lùi tham nhũng, tiêu cực.

(2). Trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện chưa quán triệt đầy đủ quan điểm công tác cán bộ là khâu then chốt của công tác xây dựng Đảng, dẫn đến thiếu tầm chiến lược. Việc bố trí, sử dụng cán bộ mới chú ý đến yêu cầu nhiệm vụ trước mắt, ít quan tâm đào tạo cán bộ cho lâu dài; chậm khắc phục tình trạng cục bộ, khép kín, hẫng hụt cán bộ ở nhiều ngành, địa phương. Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cấp chiến lược và người đứng đầu địa phương, đơn vị chưa được quan tâm đúng mức.

(3). Môi trường làm việc của cán bộ chưa tạo được động lực để khuyến khích, thu hút, phát huy năng lực, sự cống hiến của cán bộ; chưa cổ vũ ý chí phấn đấu vươn lên, sự gắn bó mật thiết của cán bộ đối với công việc, với cơ quan, với hệ thống chính trị. Nhận thức và thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ không đầy đủ, không rõ trách nhiệm cá nhân.

Nhìn chung, việc đổi mới công tác cán bộ chưa đồng bộ, toàn diện và còn chậm so với đổi mới kinh tế - xã hội.

3. Việc thực hiện các khâu của công tác cán bộ

3.1. Về đánh giá cán bộ

Đánh giá cán bộ là khâu tiền đề rất quan trọng, có liên quan đến tất cả các khâu của công tác cán bộ. Chỉ có đánh giá đúng cán bộ mới làm cơ sở cho việc tuyển chọn, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, sử dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm và thực hiện chế độ, chính sách cán bộ.

- Để thực hiện Chiến lược cán bộ, Bộ Chính trị (khoá IX) đã ban hành Quy chế đánh giá cán bộ (Quy chế 50-QĐ/TW ngày 03/5/2002); Ban Tổ chức Trung ương đã ban hành Danh mục chức danh gốc và tiêu chuẩn chung một số chức danh cán bộ công chức cơ quan Đảng, đoàn thể (Quyết định 450-QĐ/TCTW ngày 22/12/1998).

- Căn cứ vào quy định, hướng dẫn của Trung ương, nhiều cấp ủy, tổ chức đảng đã cụ thể hoá tiêu chuẩn đối với từng loại cán bộ, xây dựng được tiêu chuẩn chức danh cán bộ cho ngành, địa phương, đơn vị để làm cơ sở đánh giá cán bộ. Việc đánh giá cán bộ đã thực hiện theo quy trình, quy chế, công khai, bảo đảm nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ. Diện lấy thông tin về cán bộ mở rộng hơn, một số nơi có cơ chế để nhân dân tham gia nhận xét, đánh giá cán bộ nên việc đánh giá cán bộ có hiệu quả, thực chất hơn.

Tuy nhiên, đánh giá cán bộ vẫn là khâu khó và yếu nhất hiện nay, khó nhất là đánh giá cái “tâm”, cái “tầm” và bản lĩnh chính trị của cán bộ. Đánh giá cán bộ vẫn còn hình thức, chưa phản ánh đúng được thực chất cán bộ; chưa lấy hiệu quả công việc là thước đo chủ yếu để đánh giá cán bộ; còn cảm tính, xuê xoa, chiếu lệ. Nhiều cấp ủy, tổ chức đảng và cơ quan tham mưu về công tác tổ chức cán bộ nắm không chắc cán bộ, không hiểu sâu các mối quan hệ của bản thân, gia đình cán bộ, dẫn đến nhận xét, đánh giá cán bộ chưa khách quan, chính xác.

Những yếu kém trên có nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu là việc quản lý và nắm cán bộ chưa chắc, chưa sâu; tinh thần tự phê bình và phê bình kém, tính chiến đấu chưa cao. Một số nơi còn có biểu hiện lệch lạc, thiếu công tâm, khách quan, trong đánh giá cán bộ; nội bộ mất đoàn kết, cục bộ, gia trưởng, xen động cơ cá nhân trong đánh giá cán bộ.

3.2. Về quy hoạch cán bộ

- Trong quá trình thực hiện Chiến lược cán bộ, Bộ Chính trị (khoá IX) đã có Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 30/11/2004 về “*Công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*”; Ban Chấp hành Trung ương (khoá X) có Kết luận số 37-KL/TW ngày 02/02/2009 về “*Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chiến lược cán bộ từ nay đến năm 2020*”; Bộ Chính trị (khoá XI) có Kết luận số 24-KL/TW ngày 05/6/2012 về “*Đẩy mạnh công tác quy*

hoạch và luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý đến 2020 và những năm tiếp theo” và Chỉ thị số 36-CT/TW, ngày 30/5/2014 về “*Đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng*”, v.v.

- Để thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương và Bộ Chính trị, Ban Tổ chức Trung ương đã có Hướng dẫn số 17-HD/BTCTW ngày 23/4/2003; Hướng dẫn số 47-HD/BTCTW ngày 24/5/2005; Hướng dẫn số 50-HD/BTCTW, ngày 06/7/2005 về “*Công tác Quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*”; Hướng dẫn số 15-HD/BTCTW ngày 05/11/2012 về “*Công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý theo tinh thần Nghị quyết 42-NQ/TW của Bộ Chính trị (khoá IX) và Kết luận số 24-KL/TW của Bộ Chính trị (khoá XI)*”; Hướng dẫn số 26-HD/BTCTWW, ngày 18/8/2014 về “*Công tác nhân sự tại đại hội đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng*”, v.v.

- Thực hiện sự chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, công tác quy hoạch cán bộ đã đi dần vào nền nếp và đạt một số kết quả quan trọng: Nguồn quy hoạch cho các chức danh lãnh đạo, quản lý khá dồi dào; trình độ đào tạo, cơ cấu ngành nghề, tỷ lệ cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ người dân tộc ít người có bước tiến bộ. Công tác quy hoạch cán bộ đã cơ bản bảo đảm sự đồng bộ từ dưới lên, mỗi chức danh quy hoạch từ 2 - 3 người và một người có thể quy hoạch vào một số chức danh; lấy quy hoạch cấp ủy làm cơ sở để quy hoạch cán bộ lãnh đạo đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể; số lượng cán bộ được quy hoạch bình quân đạt từ 1,5 - 2 lần so với số lượng cần bổ nhiệm, bầu cử. Trong nhiệm kỳ Đại hội khóa XI, Bộ Chính trị đã chỉ đạo và tiến hành việc quy hoạch Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các chức danh lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước nhiệm kỳ 2016- 2021 và các nhiệm kỳ tiếp theo.

Tuy nhiên, mặt yếu kém trong công tác quy hoạch cán bộ là:

- Việc xây dựng và thực hiện quy hoạch cán bộ chưa có tầm nhìn xa; còn phổ biến tình trạng khép kín trong từng ngành, từng địa phương; chưa bảo đảm sự liên thông giữa quy hoạch của cấp dưới với quy hoạch của cấp trên, giữa Trung ương và địa phương, giữa các bộ, ngành, các lĩnh vực công tác; chưa bảo đảm cơ cấu 3 độ tuổi trong quy hoạch cán bộ. Chậm quy hoạch cán bộ cấp chiến lược; mới tập trung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý, chưa quan tâm chú ý đến quy hoạch cán bộ các lĩnh vực khác...

- Chất lượng quy hoạch cán bộ chưa cao; tỷ lệ cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ người dân tộc, cán bộ xuất thân từ công nhân chưa đạt yêu cầu. Công tác quy

hoạch ở một số bộ, ngành, địa phương còn chung chung, hình thức, thiếu tính khả thi; chưa gắn quy hoạch với đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, sử dụng cán bộ. Do đó, một số nơi vẫn còn bị động, lúng túng về cán bộ; có nơi vừa mới quy hoạch nhưng khi làm công tác nhân sự thì vẫn khó khăn, không chọn được cán bộ.

3.3. Về luân chuyển cán bộ

- Trong quá trình thực hiện Chiến lược cán bộ, Bộ Chính trị khoá IX đã có ***Nghị quyết số 11-NQ/TW*** ngày 25/01/2002 về luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý; Bộ Chính trị khoá X có ***Kết luận số 127-KL/TW*** ngày 02/01/2008 về đẩy mạnh công tác luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý và cho chủ trương tăng thêm một số chức danh lãnh đạo cấp ủy, chính quyền đối với một số tỉnh, thành phố và một số đơn vị cấp huyện để vừa tăng cường cán bộ lãnh đạo, quản lý, vừa để đào tạo, rèn luyện cho đội ngũ cán bộ trong hoạt động thực tiễn.

- Công tác luân chuyển cán bộ những năm qua đã góp phần đào tạo, rèn luyện, thử thách cán bộ qua thực tiễn và tăng cường thêm cán bộ cho những nơi có khó khăn; khắc phục một bước xu hướng cục bộ, khép kín, trì trệ của đội ngũ cán bộ. Kết quả luân chuyển cán bộ từ Trung ương và địa phương trong hai nhiệm kỳ Đại hội IX và X đã góp phần đào tạo được nhiều cán bộ; nhiều đồng chí đã được bầu vào BCH Trung ương khoá X, khoá XI, khoá XII, được bầu làm bí thư tỉnh ủy hoặc giữ cương vị chủ chốt ở các ban, bộ, ngành Trung ương và Quốc hội.

- Trong quá trình thực hiện luân chuyển cán bộ, Bộ Chính trị khoá IX đã chỉ đạo thực hiện thí điểm chủ trương luân chuyển, bố trí một số chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt cấp tỉnh, cấp huyện không là người địa phương. Tiếp theo đó, nhiều tỉnh, thành phố khác đã triển khai thực hiện ở cả cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã; Bộ Quốc phòng và Bộ Công an đã và đang triển khai thực hiện mạnh mẽ việc bố trí chỉ huy trưởng quân sự và giám đốc công an cấp tỉnh, cấp huyện không phải người địa phương; v.v.

- Ngoài ra, đã thực hiện chủ trương đưa cán bộ, sỹ quan biên phòng về tăng cường cho các xã biên giới và làm bí thư, phó bí thư, chủ tịch, phó chủ tịch, trưởng hoặc phó công an xã; đưa sinh viên tốt nghiệp đại học về làm *phó chủ tịch UBND ở các xã của 61 huyện nghèo, đã góp phần củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở.*

Tuy nhiên, mặt hạn chế, khuyết điểm nổi lên là:

- Nhận thức về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác luân chuyển cán bộ của một số cấp ủy, tổ chức đảng chưa đầy đủ, sâu sắc; việc thực hiện còn chậm và chưa đồng đều giữa các cấp, các ngành, còn khép kín trong ngành, địa phương.

- Công tác luân chuyển cán bộ ở một số nơi chưa dựa trên cơ sở đánh giá và quy hoạch cán bộ; còn nhầm lẫn giữa luân chuyển để đào tạo, bồi dưỡng cán bộ với điều động bố trí cán bộ theo yêu cầu; một số trường hợp luân chuyển không rõ ý định, hướng bố trí sau luân chuyển. Một số nơi có biểu hiện lệch lạc, lợi dụng luân chuyển để “*dán tem*” hoặc đẩy cán bộ “*không ăn cánh với mình*” đi nơi khác.

- Việc lựa chọn địa bàn, chức danh luân chuyển có một số trường hợp còn bất hợp lý, trái ngành, trái nghề, làm hạn chế sự đóng góp của cán bộ luân chuyển. Một số ít cán bộ luân chuyển chậm tiếp cận với công việc, cá biệt có trường hợp còn chọn địa bàn, vị trí sau luân chuyển. Chủ trương luân chuyển, bố trí một số chức danh cán bộ lãnh đạo không phải người địa phương ít được thực hiện do chưa có quy định cụ thể.

3.4. Về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ

- Từ khi Trung ương ban hành Chiến lược cán bộ đến nay, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã có nhiều quyết định, chỉ thị, kết luận về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ như: Quy định chế độ học tập lý luận chính trị trong Đảng; việc đào tạo bồi dưỡng cán bộ ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước (Đề án 165); thành lập trường chính trị tỉnh, thành phố và trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện; kiện toàn tổ chức, bộ máy, chức năng, nhiệm vụ và nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. Tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức mới cho cán bộ lãnh đạo đương chức và cán bộ dự nguồn cấp Trung ương; các lớp bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ theo chức danh, v.v.

- Các cấp ủy địa phương đã tập trung chỉ đạo xây dựng trường chính trị tỉnh và trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện; phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương, Học viện Chính trị-Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ trong đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp về lý luận chính trị, kiến thức quản lý nhà nước và quốc phòng - an ninh; phối hợp với các trường đại học trong và ngoài nước mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng các chuyên ngành về quản lý kinh tế, xã hội, ngoại ngữ...

- Nội dung, hình thức đào tạo, bồi dưỡng từng bước được đổi mới, sát với yêu cầu thực tiễn; cơ sở vật chất của các cơ sở đào tạo được tăng cường. Trong nhiệm kỳ khoá XI, Bộ Chính trị đã chỉ đạo mở các lớp bồi dưỡng, cập nhật, bổ sung kiến thức mới cho cán bộ, lãnh đạo, quản lý theo chức danh, kể cả các đồng chí ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI; mở các lớp bồi dưỡng cho bí thư huyện ủy và tương đương; tổ chức 6 lớp bồi dưỡng dự nguồn cán bộ cao cấp

ở Trung ương, mỗi lớp trong thời gian 4 tháng, với hơn 500 đồng chí cán bộ lãnh đạo, quản lý trong quy hoạch tham dự.

Tuy nhiên, công tác nghiên cứu, dự báo nhu cầu đào tạo chưa gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và còn thiếu tầm chiến lược. Hệ thống đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chưa đồng bộ, công kênh, phân tán; công tác quản lý đào tạo thiếu thống nhất; chưa cân đối giữa đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị với chuyên môn, nghiệp vụ và quản lý nhà nước; trong đào tạo chuyên môn cũng mất cân đối giữa các ngành nghề và lĩnh vực công tác...

II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VỀ CÔNG TÁC CÁN BỘ TRONG THỜI GIAN TỚI

Để tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác cán bộ theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, trong những năm tới, các cấp ủy, tổ chức đảng, nhất là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị các cấp cần quán triệt sâu sắc các nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Trung ương về công tác cán bộ. Đồng thời, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện một số nội dung cụ thể sau đây:

1. Phương hướng chung

Để tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác cán bộ trong tình hình hiện nay, Nghị quyết Đại Hội XII của Đảng chỉ rõ: Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện “*Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*”, với các nội dung chủ yếu sau:

(1). Thể chế hóa, cụ thể hóa các nguyên tắc về xây dựng Đảng, như: quan hệ giữa đường lối chính trị và đường lối cán bộ; quan điểm giai cấp và chính sách đại đoàn kết rộng rãi trong công tác cán bộ; quan hệ giữa tiêu chuẩn và cơ cấu, giữa đức và tài, giữa kế thừa và phát triển; giữa sự quản lý thống nhất của Đảng với phát huy đầy đủ trách nhiệm của các cơ quan trong hệ thống chính trị; giữa thẩm quyền và trách nhiệm cá nhân và tập thể; giữa phân cấp, phân quyền và kiểm tra, giám sát, kiểm soát để thực hiện thống nhất, đồng bộ trong Đảng và trong hệ thống chính trị.

(2). Tiếp tục ban hành và thực hiện các quy định, quy chế, cơ chế trong công tác cán bộ bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và chặt chẽ giữa các khâu, liên thông giữa các cấp; trong đó có quy chế về việc đánh giá đúng đắn, khách quan đối với

cán bộ, để có cơ sở sử dụng, bố trí cán bộ, ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng chạy chức, chạy quyền, chạy tuổi, chạy bằng cấp...

(3). Tăng cường trách nhiệm của cấp ủy, nhất là cấp ủy cơ sở trong công tác bảo vệ chính trị nội bộ. Xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm của công tác bảo vệ chính trị nội bộ trong giai đoạn hiện nay là bảo vệ Cương lĩnh, Điều lệ Đảng; bảo vệ nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng; bảo vệ Hiến pháp và pháp luật; bảo vệ cán bộ, đảng viên về mặt chính trị. Gắn công tác bảo vệ chính trị nội bộ với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

(4). Kiên quyết đấu tranh, ngăn chặn những hiện tượng cục bộ, bè phái, “lợi ích nhóm”, gây mất đoàn kết trong Đảng. Xử lý nghiêm những cán bộ, đảng viên vi phạm quy định của Ban chấp hành Trung ương về những điều đảng viên không được làm. Đấu tranh có hiệu quả với với âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch.

(5). Đổi mới công tác bầu cử trong Đảng, phương thức tuyển chọn, bổ nhiệm cán bộ,... để lựa chọn những người thực sự có đức, có tài giữ các vị trí lãnh đạo, đặc biệt là người đứng đầu. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ năng lực và phẩm chất, ngang tầm nhiệm vụ. Có cơ chế, chính sách phát hiện, thu hút, trọng dụng nhân tài.

2. Nhiệm vụ, giải pháp

Thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, trong những năm tới, các cấp ủy, tổ chức đảng, nhất là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị các cấp cần quán triệt sâu sắc các nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Trung ương về công tác cán bộ. Đồng thời, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện một số nội dung cụ thể sau đây:

2.1. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng về công tác cán bộ.

Trong đó, tập trung thực hiện tốt một số nội dung sau:

(1). Tiếp tục thể chế, cụ thể hóa nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đi đôi với phát huy trách nhiệm của các tổ chức và người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị về công tác cán bộ.

(2). Bổ sung, hoàn thiện hệ thống các quy định, quy chế về sự lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức và hoạt động của các tổ chức thành viên khác trong hệ thống

chính trị. Tiếp tục cải tiến quy trình công tác nhân sự của Đảng, Nhà nước, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội.

(3). Mở rộng và phát huy dân chủ trong công tác cán bộ, bảo đảm khách quan, công tâm, công khai, minh bạch.

2.2. Tiếp tục đổi mới công tác đánh giá cán bộ

(1). Xây dựng tiêu chuẩn chức danh cán bộ và tiêu chí đánh giá cụ thể đối với từng chức danh, từng đối tượng cán bộ, phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ mới.

(2). Đề cao tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ lãnh đạo, quản lý, nhất là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp. Quy chế hoá trách nhiệm cá nhân trên các phương diện: trách nhiệm chính trị, trách nhiệm pháp lý, trách nhiệm đạo đức, trách nhiệm công dân. Thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ trong công tác cán bộ, bảo đảm dân chủ, công tâm, công khai, minh bạch, khách quan, toàn diện;

(3). Phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, lãnh đạo cơ quan, đơn vị trong nhận xét, đánh giá cán bộ. Lấy số lượng, chất lượng và hiệu quả hoàn thành các nhiệm vụ được giao làm thước đo chủ yếu để đánh giá phẩm chất, năng lực của cán bộ;

(4). Các cấp ủy, tổ chức đảng quản lý chặt chẽ đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; về thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; về các mối quan hệ xã hội ở nơi công tác và nơi cư trú.

2.3. Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch cán bộ

(1). Quy hoạch cán bộ phải xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ chính trị và tình hình thực tế của đội ngũ cán bộ; phải gắn với các khâu khác của công tác cán bộ, bảo đảm sự liên thông giữa cấp trên và cấp dưới, giữa các ngành và trong đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị.

(2). Phải đánh giá đúng phẩm chất, năng lực của cán bộ theo quy trình chặt chẽ trước khi đưa vào quy hoạch; hàng năm phải tiến hành rà soát, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch, đưa những người không đủ tiêu chuẩn khỏi danh sách quy hoạch và bổ sung những người tiêu biểu, xuất sắc vào quy hoạch.

(3). Quy hoạch cán bộ phải bảo đảm phương châm “động” và “mở”. Đối với cán bộ đương chức, chỉ quy hoạch vào các chức vụ cao hơn. Số lượng cán bộ đưa vào quy hoạch phải bảo đảm từ 1,5 đến 2 lần cán bộ đương chức; mỗi chức danh

cán bộ quy hoạch từ 2 - 3 người và một người có thể quy hoạch cho nhiều chức danh.

(4). Phải bảo đảm cơ cấu 03 độ tuổi trong quy hoạch và gian cách giữa các độ tuổi là 5 năm; bảo đảm tỷ lệ nữ trong quy hoạch không dưới 15%. Nếu không bảo đảm cơ cấu thì cấp trên không phê duyệt và có thể bổ sung cán bộ từ nơi khác vào quy hoạch.

(5). Thực hiện công khai trong công tác quy hoạch cán bộ (công khai về tiêu chuẩn, số lượng và danh sách cán bộ quy hoạch đã được cấp trên phê duyệt). Xây dựng cơ chế, chính sách trọng dụng người tài để tạo nguồn, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhất là cán bộ tham mưu, chuyên gia cấp chiến lược.

(6). Đẩy mạnh thực hiện Quy hoạch cán bộ cấp chiến lược.

2.4. Đẩy mạnh thực hiện luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý

(1). Việc luân chuyển cán bộ phải được chọn lọc kỹ lưỡng, thực hiện theo quy trình chặt chẽ, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch, hiệu quả. Thực hiện việc luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý từ trên xuống dưới, từ dưới lên trên và luân chuyển ngang giữa các địa phương; giữa các cơ quan Đảng, đoàn thể với các cơ quan Nhà nước và ngược lại.

(2). Xây dựng cơ chế và đẩy mạnh thực hiện chủ trương bố trí một số chức danh cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp tỉnh, cấp huyện và một số ngành (toà án, viện kiểm sát, công an, thuế,... không là người địa phương. Phấn đấu đến năm 2017, thực hiện từ 35 - 50% ở cấp tỉnh; 50 - 60% ở cấp huyện.

(3). Kết hợp thực hiện cơ chế thực tập, tập sự lãnh đạo, quản lý với luân chuyển cán bộ để đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện cán bộ trong thực tiễn.

2.5. Tạo chuyển biến mạnh mẽ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ

(1). Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ phải trên cơ sở quy hoạch và theo tiêu chuẩn chức danh cán bộ. Đẩy mạnh bồi dưỡng và cập nhật kiến thức mới cho cán bộ lãnh đạo, quản lý theo chức danh và cán bộ dự nguồn ở các cấp, kể cả các đồng chí là ủy viên Ban Chấp hành Trung ương.

(2). Củng cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng về mọi mặt của hệ thống đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức. Huy động mọi nguồn lực và tăng cường đầu tư từ ngân sách nhà nước cho việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cả trong và ngoài nước; cả trong và ngoài khu vực kinh tế nhà nước.

(3). Sớm xây dựng chương trình quốc gia về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; chiến lược quốc gia về nhân tài để đáp ứng yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế.

2.6. Đổi mới công tác tuyển chọn, bố trí, sử dụng cán bộ

(1). Tiếp tục hoàn thiện chế độ bầu cử; cải tiến cách thức tuyển chọn, lấy phiếu tín nhiệm, bổ nhiệm cán bộ để chọn đúng người, bố trí đúng việc, nhất là người đứng đầu. Mở rộng việc thi tuyển cán bộ lãnh đạo quản lý và giới thiệu nhiều nhân sự để lựa chọn. Thực hiện chủ trương những người dự kiến đề bạt, bổ nhiệm phải trình bày đề án hoặc chương trình hành động trước khi cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

(2). Thực hiện nghiêm quy chế cho thôi chức, miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý. Kịp thời thay thế những cán bộ lãnh đạo, quản lý, nhất là người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị, các doanh nghiệp nhà nước, tổng công ty, tập đoàn kinh tế... không hoàn thành nhiệm vụ, kém về phẩm chất đạo đức, yếu về năng lực, tín nhiệm thấp, không chờ hết nhiệm kỳ, hết tuổi công tác.

(3). Xây dựng cơ chế để đảng viên, nhân dân tham gia giám sát cán bộ và công tác cán bộ. Có chế tài xử lý nghiêm những trường hợp chạy chức, chạy quyền, chạy tội, chạy bằng cấp, chạy huân chương.

(4). Thực hiện nghiêm Quy chế chất vấn trong Đảng; cơ chế kiểm tra, giám sát, kiểm soát việc trao và thực thi quyền lực của tổ chức và cá nhân, ngăn ngừa sự lạm quyền, vượt quyền. Thực hiện nghiêm túc việc lấy phiếu tín nhiệm đối với các thành viên lãnh đạo cấp ủy; cán bộ lãnh đạo trong các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội theo hướng mở rộng đối tượng tham gia.

(5). Thí điểm giao quyền cho bí thư cấp ủy lựa chọn, giới thiệu để bầu cử ủy viên thường vụ cấp ủy; cấp trưởng có trách nhiệm lựa chọn, giới thiệu để bầu cử, bổ nhiệm cấp phó.

(6). Phối hợp chặt chẽ công tác kiểm tra giám sát của Đảng, với thanh tra, kiểm toán của Nhà nước và điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan bảo vệ pháp luật. Kiểm tra, giám sát, chặt chẽ việc kê khai và công khai, minh bạch việc kê khai tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý và người đứng đầu các cấp.

(7). Nghiên cứu, xây dựng quy định về xử lý và truy cứu trách nhiệm đối với cán bộ, đảng viên có sai phạm khi đã chuyển vị trí công tác khác hoặc đã nghỉ hưu.

(8). Đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các cơ quan tham mưu và đội ngũ cán bộ làm công tác tổ chức cán bộ; xây dựng đội ngũ làm công tác tổ chức cán bộ có bản lĩnh, công tâm, khách quan, liêm khiết và gương mẫu./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng.
2. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 (khoá VIII) về “Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước”;
3. Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị về “Luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp” và Nghị quyết 42 của Bộ Chính trị (khoá IX) về “Công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước”;
4. Kết luận 37-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương (khoá X) về “Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chiến lược cán bộ từ nay đến năm 2020”;
5. Nghị quyết 12-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI): “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”.
6. Nghị quyết số 25-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương (khoá XI) về “Tăng cường và đổi mới công tác Dân vận của Đảng trong tình hình mới”.
7. Kết luận số 24-KL/TW ngày 05/6/2012 của Bộ Chính trị (khoá XI) về “Đẩy mạnh công tác quy hoạch và luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý đến năm 2020 và những năm tiếp theo”.
8. Hướng dẫn số 15-HD/BTCTW ngày 05/11/2012 của Ban Tổ chức Trung ương về “Công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý...”.
9. Quyết định số 217-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị (khóa XI) ban hành “Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội”.
10. Quyết định số 218-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị (khóa XI) ban hành “Quy định về việc Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền”.
11. Chỉ thị số 36-CT/TW, ngày 30/5/2014 của Bộ Chính trị về “Đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng”.

12. Nghị quyết Đại hội XII của Đảng.
